

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm

2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1971; thường trú: Số 173 đường Tr Nh T, Tổ HB, phường L H Ph, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình; tạm trú: Số 20/21 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Hồng T, sinh năm 1969; thường trú: Số 173 đường Tr Nh T, Tổ HB, phường L H Ph, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình; tạm trú: Số 20/21 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- Người làm chứng: Bà Lê Thị V, sinh năm 1932; địa chỉ: Số 20/21 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Hương trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Đặng Hồng T sau thời gian tự nguyện tìm hiểu thì tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L H Ph, thị xã Th B (nay là thành phố Th B), tỉnh Thái Bình, theo Giấy chứng nhận kết

hôn số 22 ngày 23/10/1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà H sinh sống tại nhà chồng tại tỉnh Thái Bình, đến năm 2014 vợ chồng chuyển lên sinh sống tại Thành phố Hà Nội. Đến năm 2016 vợ chồng bà H chuyển vào Bình Dương sinh sống tại địa chỉ số 20/21 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu bà H và ông T sống rất hạnh phúc. Sau đó, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông T không yêu thương giúp đỡ bà trong công việc gia đình. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn với ông Đặng Hồng T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có 02 con chung tên Đặng Thị Huyền M, sinh ngày 09/9/1996 và Đặng Khải Ng, sinh ngày 14/10/2006. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Riêng cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đặng Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập bị đơn ông Đặng Hồng T yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vào ngày 11/5/2018 nhưng ông T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/6/2018 nhưng ông T vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn xin không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được. Vào các ngày 29/6/2018 và ngày 17/7/2018, Tòa án triệu tập ông T tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không lý do.

- *Người làm chứng bà Lê Thị V trình bày:* Bà Lê Thị V là mẹ ruột của bà Trần Thị H, bà V biết giữ bà H và ông T có mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, hai vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 03/5/2018 tại UBND phường D A, thị xã D A thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường D A không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Trần Thị H và ông Đặng Hồng T, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T.

- *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Bà H và ông T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thị Huyền M, sinh ngày 09/9/1996 và Đặng Khải Ng, sinh ngày 14/10/2006, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở. Và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn. Do đó việc bà H yêu cầu

giải quyết ly hôn với ông T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Khải Ng, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Khải Ng mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi, riêng cháu Đặng Thị Huyền M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện khởi kiện: Bà Trần Thị H khởi kiện ông Đặng Hồng T về việc yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Đặng Hồng T có đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại số 20/21 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Đặng Hồng T được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ 02 lần vào các ngày 29/6/2018 và ngày 17/7/2018 nhưng đều vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Đặng Hồng T là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L H Ph, thị xã Th B (nay là thành phố Th B), tỉnh Thái Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 23/10/1995 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Bà H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến làm việc nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, ông T không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, ông T cũng không có văn bản thể hiện thiện chí đưa ra phương án hàn gắn mối quan hệ giữa ông và bà H nên có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà H và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Đặng Hồng T có 02 con chung tên Đặng Thị Huyền M, sinh ngày 09/9/1996 và Đặng Khải Ng, sinh ngày 14/10/2006. Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, riêng cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cả bà H và ông T đều là người có công việc ổn định nên điều kiện chăm sóc con cái là như nhau. Tuy nhiên, hiện nay cháu Ng còn nhỏ, bà H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng đồng thời cháu Ng mong muốn sinh sống với mẹ. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung và quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn cần giao cháu Đặng Khải Ng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đối với cháu Đặng Thị Huyền M đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị H yêu cầu ông Đặng Hồng T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Khải Ng, sinh ngày

14/10/2006 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi, xét thấy hiện nay ông T có việc làm ổn định, cháu Ng còn nhỏ đang độ tuổi đi học, không có tài sản để tự nuôi mình. Vì vậy, bà H yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ng là chính đáng phù hợp với quy định tại các Điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình, nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Đặng Hồng T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83; 84, 107, 110, 117 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Đặng Hồng T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Đặng Hồng T (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 do Ủy ban nhân dân phường L H Ph, thị xã Th B (nay là thành phố Th B), tỉnh Thái Bình cấp ngày 23/10/1995).

Về con chung: Giao cháu Đặng Khải Ng, sinh ngày 14/10/2006 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đặng Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Đặng Khải Ng mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Trần Thị H có yêu cầu thi hành án, nếu ông Đặng Hồng T chậm trả số tiền trên thì hàng tháng ông Đặng Hồng T còn phải trả cho bà Trần Thị H khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bà H và ông T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019252 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Đặng Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường L H Ph,
thành phố Th B, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công